SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM **TRUNG TÂM Y TẾ** **HUYỆN ĐĂK TÔ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1089 /YTĐT-TCHC-TCKT	*Đăk Tô, ngày 02tháng 8 năm 2023*

V/v đề nghị cung cấp báo giá xây dựng giá dự kiến các gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất sinh phẩm xét nghiệm năm 2023

Kính gửi: Các doanh nghiệp sản xuất/ kinh doanh trong và ngoài tỉnh.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất sinh phẩm xét nghiệm năm 2023. Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô đề nghị các doanh nghiệp sản xuất/ kinh doanh trong và ngoài tỉnh có khả năng cung cấp hàng hóa nêu trên quan tâm báo giá các danh mục, cụ thể như sau:

1. Danh mục đề nghị báo giá

- Gói thầu số 01: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao.

- Gói thầu số 02: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm.

- Danh mục, số lượng, đặc tính kỹ thuật, quy cách: Chi tiết tại bảng báo giá gửi kèm theo.

- Yêu cầu: Giá đã báo bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô; hàng hóa phải đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng. Hạn sử dụng tối thiểu 6 tháng kể từ ngày bàn giao đối với các loại hàng hóa có hạn sử dụng 12 tháng; hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng đối với các loại hàng hóa có hạn sử dụng từ 02 năm trở lên; có giấy chứng nhận xuất xứ, lưu hành theo quy định; hiệu lực của báo giá.

** Lưu ý: Không được thay đổi các thông tin trên mẫu báo giá ban hành kèm theo Công văn này.*

2. Thông tin và hình thức nhận báo giá

- Thông tin nhận báo giá: Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô; khối 9 thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; điện thoại liên hệ: 02603 831 217 hoặc 0905 928 774.

- Hình thức nhận báo giá: Gửi trực tiếp đến văn thư hoặc phòng Tổ chức hành chính - Tài chính - Kế toán; qua dịch vụ bưu chính; qua số fax: 02603831217; qua e-mail: thungan.blttn@gmail.com.

3. Thời gian nhận báo giá: Trước 17 giờ, ngày 07/8/2023, các báo giá nhận được sau thời điểm nên trên sẽ không được xem xét.

Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô kính mong nhận được sự phối hợp của các doanh nghiệp sản xuất/ kinh doanh trong và ngoài tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng tải trang thông tin điện tử của TTYT huyện Đăk Tô;
- Lưu: VT, TCHC-TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐĂK TÔ

Trần Văn Bình

Đơn vị: …….

Địa chỉ: …….

Số điện thoại/fax: ……

BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /YTĐT-TCHC-TCKT ngày 02/8/2023 của Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô)

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Công văn số: ……./YTĐT-TCHC-TCKT ngày 02/8/2023 của Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô về việc đề nghị cung cấp báo giá xây dựng giá dự kiến các gói thầu mua sắm vật tư y tế tiêu hao, hóa chất sinh phẩm xét nghiệm năm 2023" được đăng tải trên Website của Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô. Công ty chúng tôi xin trân trọng báo giá để quý đơn vị tham khảo, như sau:

Gói thầu số 1: Gói thầu vật tư Y tế tiêu hao.

STT	Tên vật tư theo nhóm	Tên thương mại của vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật - Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Ca-nuyn(canula) các loại, các cỡ	Canula nhựa (Airway)	Chất liệu: Làm từ Polyethylene không độc hại. Số 00-0-1-2-3-4 Quy cách: Hộp 50 cái	Cái	30			
2	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Băng cá nhân	Băng cá nhân làm từ nhự lành tính, được khử trùng vô khuẩn, Kích thước 19 x 72 mm, Quy cách: Hộp 102 miếng	Miếng	1.200			
3	Băng vô trùng các loại, các cỡ	Băng cuộn gạt	Được khử trùng vô khuẩn, không gây kích ứng da, kích thước: 0,09m x 2,5m, quy cách: Lốc 50 cuộn	Cuộn	1.000			
4	Băng dính các loại, các cỡ	Băng dính lụa 2.5cmx5m	Kích thước: 2,5cm x 5m. Quy cách: Hộp 12 cuộn	Cuộn	1.000			
5	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng thun 3 móc	Chất liệu cotton, có độ bền cao, kích thước: 0,1mx4m, quy cách: Gói 1 cuộn	Cuộn	240			

6	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Túi đựng nước tiểu	Có dây treo, có khóa có dây Quy cách: Thùng 200 cái	Cái	12			
7	Bơm tiêm(Syringe) dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 10 ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 10 ml, cỡ kim 25Gx1,quy cách: Hộp 100 cái	Cái	200			
8	Bơm tiêm(Syringe) dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 1ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 1ml, cỡ kim 26Gx1/2", quy cách: Hộp 100 cái	Cái	200			
9	Bơm tiêm(Syringe) dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 20 ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 20 mll, cỡ kim 23Gx1, quy cách: Hộp 50 cái	Cái	100			
10	Bơm tiêm(Syringe) dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 5 ml	Dung tích 5ml, cỡ kim 25Gx1 Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	60.000			
11	Bơm tiêm(Syringe) dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 50 ml Tiêm	Dung tích 50ml Quy cách: Hộp 25cái	Cái	150			
12	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần 50 ml cho ăn	Dung tích 50ml Quy cách: Hộp 25cái	Cái	50			
13	Bơm tiêm(Syringe) dùng 1 lần các loại, các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng 1 lần3 ml	Dung tích 3ml, cỡ kim 25Gx1 Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	600			
14	Bông (gòn),bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ	Bông thấm nước 1kg	Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Quy cách: Thùng 12 Kg	Kg	180			
15	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Bột bó nhỏ 4 inch	Kích thước: 10cm x 4.5m Quy cách: Thùng 144 cuộn	Cuộn	250			
16	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Bột bó lớn 6 inch	Kích thước: 6 inch 15cm x 4,5m Quy cách: Thùng 60 cuộn	Cuộn	230			
17	Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ	Chỉ Trustigut 2/0 kim cắt	Chỉ tiêu 2/0 dài 75cm, 3/8 kim tam giác 24mm. Quy cách: Hộp 24 sợi	Sợi	240			

18	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Trustilen số 2/0 kim tròn	Quy cách: Hộp/12 sợi Đặc tính kỹ thuật: Chỉ Poleypropylene 2/0 kim tròn dài 26 mm	Sợi	12			
19	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Trustilen số 4/0 kim tròn	Quy cách: Hộp/12 sợi Đặc tính kỹ thuật: Chỉ Poleypropylene 4/0 kim tròn dài 13 mm	Sợi	12			
20	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Trustilen số 6/0 kim tròn	Polypropylene) số 6/0, dài 75 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm, PP07BB10. 'Quy cách: Hộp/12 sợi	Sợi	12			
21	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ Carelon 2/0 kim cắt	Chỉ không tan tổng hợp 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 24mm. Quy cách: Hộp 24 sợi	Sợi	700			
22	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ Carelon 3/0 kim cắt	Chỉ không tan tổng hợp số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác, dài 26 mm, 3/8c	Sợi	700			
23	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ Carelon 4/0 kim cắt	Chỉ không tan tổng hợp số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác, dài 16 mm. Quy cách: Hộp 24 sợi	Sợi	360			
24	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ Caresorb số 2/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0, dài 75cm, kim tròn, dài 26mm, 1/2C. Quy cách: Hộp 12 sợi	Sợi	12			
25	Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ	Chỉ Caresorb số 1/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1, dài 90cm, kim tròn, dài 40mm, 1/2C. Quy cách: Hộp 12 sợi	Sợi	36			
26	Chạc 2 dây có đầu nối an toàn sinh học các loại, các cỡ	Dây 3 chạc có dây	Kích thước: Dây dài 25 cm. Quy cách: Hộp 50 cái	Cái	100			
27	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ(bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chìa, ống nối đi kèm	Dây truyền dịch có kim bướm	Độ dài dây dẫn ≥ 180cm. Quy cách: Túi 20 bộ	Bộ	4.500			

28	Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ	Dây hút nhớt có khóa các số 6-18	Chất liệu: Làm từ nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da. Quy cách: Hộp 50 cái	Cái	50			
29	Ống(Sonde) thở o-xy 02 gọng các loại, các cỡ	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn và trẻ em	Size M, L. Quy cách: Thùng 100 cái	Sợi	600			
30	Ống(Sonde) thở o-xy 02 gọng các loại, các cỡ	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ sơ sinh	Tốc độ dòng chả cho các ống khoảng 0,5-4 lít. Size XS, S. Quy cách: Thùng 100 cái	Cái	120			
31	Ống nối, dây nối, chạc nối (adapter) dùng trong thiết bị các loại, các cỡ	Dây nối bơm tiêm điện	Kích thước: Dây dài 140cm. Quy cách: Hộp 50 sợi	Sợi	150			
32	Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Sản phẩm dùng để khám miệng, lưỡi, họng, đã tiệt trùng và chỉ dùng một lần, Kích thước: 150 x 20 x 2mm. Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	13.000			
33	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ	Điện cực tim	Tính dẫn truyền cao. Quy cách: Bì 50 cái	Cái	100			
34	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn dùng để băng các vết thương, vết mổ, vết khâu các loại, các cỡ	Gạc phẫu thuật ổ bụng CQTT 30cm x 40cm x 6 lớp (đã tiệt trùng)	Chất liệu: Được dệt từ sợi cotton 100%, thành phần chủ yếu của sợi cản quang là Polyvinylchloride. Kích thước: 30 x 40 x 6 lớp. Quy cách: Gói 5 miếng	Miếng	100			
35	Gạc các loại, các cỡ	Gạc vô khuẩn 5cmx6.5cmx12 lớp	Chất liệu: Được dệt từ sợi cotton 100%, Kích thước: 5cm x 6.5cm x 12 lớp. Quy cách: Gói 10 miếng	Miếng	45.000			
36	Gạc các loại, các cỡ	Gạc Vaselin	Kích thước: 65mmx190mm. Quy cách: Gói 10 miếng	Miếng	40			
37	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay sản khoa dài đến khủy tay	Số 7; 7,5 dài 50 cm. Quy cách: Hộp 50 đôi	Đôi	100			

38	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Găng tay phẫu thuật các số	Số 6,5; 7; 7,5. Quy cách: Thùng 400 đôi	Đôi	6.000			
39	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Găng tay trần	Size S, M, XL. Quy cách: Thùng 500 đôi	Đôi	70.000			
40	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu các số	Kích thước: Số 0,3x25 mm (số 4), 0,3x40mm (số 5), Số 0,3x75 mm (số 10) Hộp 100 cái	Cái	61.000			
41	Kim chích máu các loại, các cỡ	Kim chích máu (lancets)	Kim lancet dùng tay. Quy cách: Hộp 200 cái	Cái	500			
42	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch an toàn số 18	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Kim luồn có cánh, có cửa, tốc độ chảy 96ml/phút, Tốc độ chảy 5760 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mmQuy cách: Hộp 50 cái	Cái	7.000			
43	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch an toàn số 22	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 35ml/phút, 2100ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm. Quy cách: Hộp 50 cái	Cái	3.500			
44	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch an toàn số 24	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm. Quy cách: Hộp 50 cái	Cái	3.500			

45	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim tiêm số 18	Cỡ kim 18Gx1 1/2 Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	36.000			
46	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ	Lưỡi dao mổ các số	Chất liệu: Được làm từ thép carbo. Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	100			
47	Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ(bao gồm ống nội khí quản calene)	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Số từ 3,5 đến 8. Quy cách: Hộp 10 cái	Cái	10			
48	Ống, dây cho ăn các loại, các cỡ	Sonde dạ dày không nắp các số	Số từ 6 đến 20. Quy cách: Hộp 100 cái	Sợi	20			
49	Ống thông(catheter) các loại, các cỡ	Sonde Foley 2 nhánh các số	Số 12; 14; 16; 18; 20; 22. Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	36			
50	Ống thông(catheter) các loại, các cỡ	Sonde hậu môn các số	Số 14; 16; 18; 20; 22, 24, 26; 28; 30 Quy cách: Hộp 100 cái	Sợi	5			
51	Ống thông(catheter) các loại, các cỡ	Sonde Nelaton các số	Số 6 đến 18. Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	50			
52	Kẹp rốn	Kẹp rốn tiệt trùng	Kích thước: 5cm. Quy Cách: Hộp 100 cái	Cái	100			
53	Đầu côn các loại, các cỡ	Đầu col vàng 20-200 µl có khía và không khía	Quy cách: Bịch 1000 cái	Cái	3.000			
54	Đầu côn các loại, các cỡ	Đầu col xanh 200-2000 µl	Quy cách: Bịch 1000 cái	Cái	4.000			
55	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp gỗ cố định	Nẹp gỗ tay chân bao gồm - 80(Dài) x 7(Rộng) x 1(Dày) cm - 118(Dài) x 7(Rộng) x 1(Dày) cm. Quy cách: 1 Cái	Cái	150			
56	Bóng đèn hồng ngoại các loại các cỡ	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất 220V/50Hz-250W. Quy cách: Hộp 1 cái	Cái	17			

57	Băng keo thử nhiệt các loại, các cỡ	Băng dính chịu nhiệt	1322-12MM. Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 12mm x 55m. Quy cách: bì 1 cuộn	Cuộn	5			
58	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim X-quang khô laser SD-Q (20 x 25cm)	Mã sản phẩm: Super HR-U Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 90%-99%, additives <1%, binding agents <1%. Kích thước: 20x25cmQuy cách: Hộp 125 tấm	Tấm	8.000			
59		Khẩu trang y tế 3 lớp	2 lớp vải không dệt và 1 lớp vải lọc ngăn chặn các hạt vi mô, Vải không dệt có tính năng mỏng và thoáng khí. Được tiệt trùng và đóng gói từng cái riêng biệt. Quy cách: Bì 50 cái	Cái	22.000			
60		Khẩu trang y tế 3 lớp tiệt trùng	2 lớp vải không dệt và 1 lớp vải lọc ngăn chặn các hạt vi mô, Vải không dệt có tính năng mỏng và thoáng khí. Quy cách: Hộp 50 cái	Cái	22.000			
61		Mũ giấy con sâu	Làm từ vải không dệt và sợi thun chất lượng cao. Quy cách: Thùng 500 cái	Cái	350			
62		Dây ga rô	Chất liệu: Thun Cotton có gai dán. Quy cách: Gói 10 cái	Cái	48			
63		Tạp dề Nylon	Quy cách: Túi 1 cái	Cái	50			
64		Cốc đựng bệnh phẩm	Quy Cách: Bịch 100 cái	Cái	2.200			
65		Ống nghiệm EDTA	Dung tích: 2ml Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	17.000			
66		Ống nghiệm Heparin	Dung tích: 2ml. Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	7.000			
67		Ống nghiệm nhựa có nắp 5ml	Dung tích: 5ml. Quy cách: Bịch 500 cái	Cái	5.000			
68		La men	Lammen xét nghiệm 22*22mm. Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	200			

69		Lam kính 7105	Thành phần Thủy tinh. Quy cách: Hộp 72 cái	Hộp	5			
70		Lam kính 7102	Thành phần Thủy tinh. Quy cách: Hộp 72 cái	Hộp	5			
71		Giấy đo ECG 80cm*20m	Kích thước: 80cmx20m. Quy cách: Hộp 10 cuộn	Cuộn	120			
72		Giấy in nhiệt 50mm*20m	Nguyên liệu giấy nhập khẩu chất lượng cao. Quy cách: Bì 10 cuộn	Cuộn	55			
73		Giấy in nhiệt 58mm*30m	Nguyên liệu giấy nhập khẩu chất lượng cao. Quy cách: Bì 10 cuộn	Cuộn	45			
74		Dung dịch tẩy rửa làm sạch greenazymes	Với 5 thành phần enzyme có hàm lượng 5g trong 100ml dung dịch (tương đương 5%): Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase. Quy cách: Chai 1 L	Chai	5			
75		Nước cất	Nước cất, hay còn gọi là nước tinh khiết, là chất lỏng không mầu, không mùi đạt độ tinh khiết. Quy cách: Can 30 lít	Lít	60			
76		Cồn 96 độ	Cồn y tế, hay còn gọi là cồn Ethanol. Chuyên dụng trong y tế dùng sát khuẩn dụng cụ y khoa, vết thương, làm nước rửa tay khô, vệ sinh môi trường, khử trùng cao. Quy cách: Can 30 Lít	Lít	420			
77		Nhiệt kế thủy ngân 42 độ	Chất liệu: thủy tinh, đựng trong hộp nhựa Có thanh và vạch chia rõ ràng Dải đo 35-42 độ C Quy cách: Hộp 12 cái	Cái	120			

78		Huyết áp trẻ em	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg, Độ chính xác ± 3mmHg, Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao, Ống nghe có độ khuyếch đại lớn, nghe êm, không đau tai Quy cách: Hộp 1 bộ	Bộ	15			
79		Huyết áp kế người lớn (Cơ)	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg, Độ chính xác ± 3mmHg, Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao, Ống nghe có độ khuyếch đại lớn, nghe êm, không đau tai Quy cách: Hộp 1 bộ	Bộ	45			
80		Gel siêu âm	Phân loại: Gel màu xanh. Quy cách: Can 5 Lít	Can	20			
81		Huyết áp điện tử 7156	Giới hạn đo: 0 – 299 mmHg, Sai số: +/- , 3mmHg. Kích thước máy (mm): 105 x 85 x 152. Quy cách: Hộp 1 cái	Cái	10			
Tổng cộng: 81 danh mục								

Số tiền bằng chữ: …….

- Đơn giá đã trên đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển và bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô.

- Hàng hóa phải đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng. Hạn sử dụng tối thiểu 6 tháng kể từ ngày bàn giao đối với các loại hàng hóa có hạn sử dụng 12 tháng; hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng đối với các loại hàng hóa có hạn sử dụng từ 02 năm trở lên.

- Có giấy chứng nhận xuất xứ, lưu hành theo quy định.

- Hiệu lực của báo giá: ? ngày.

……, ngày… tháng…. năm …..

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP BÁO GIÁ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Đơn vị: …….
Địa chỉ: …….
Số điện thoại/fax: ……

BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /YTĐT-TCHC-TCKT ngày 02/8/2023 của Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô)

Gói thầu số 2: Gói thầu Hoá chất sinh phẩm xét nghiệm.

STT	Tên hóa chất, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2		7	8	9	10	11
I	**HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA AU480**						
1	Uric Acid	R1. Reagent Phosphate Buffer 50 mmol/L, pH 7.0 Toos* 7.0 mmol/L Ascorbate Oxidase ≥ 5 U/mL R2. Starter Phosphate Buffer 50 mmol/L, pH 7.0 4-Aminophenazone 0.3 mmol/L Peroxidase ≥1000 U/L Uricase ≥ 200 U/L	Hộp	3			

2	Direct Bilirubin	R1. Direct Bilirubin R1 Tartrate buffer, pH2.9 0.1 mol/L Detergent Antimicrobials and Preservatives Inhibitors R2. Direct Bilirubin R2 Phosphate buffer, pH 7.0 10 mmol/L Sodium Metavanadate 4 mmol/L	Hộp	2			
3	Total Bilirubin	Thành phần R1. Total Bilirubin 2 R1 4 x 20 mL R2. Total Bilirubin 2 R2 4 x 8 mL	Hộp	2			
4	Ure	R1 Coenzyme Capso Buffer 5 mmol/l, pH 9.65 NADH ≥ 0.23 µmol/l R2. Enzymes/Substrate Bicine Buffer 1 mol/l Urease ≥ 16.2 U/ml GLDH ≥ 0.9 U/ml I-oxoglutarate ≥ 8.6 mmol/l	Hộp	4			
5	Creatinine	Thành phần R1. Sodium hydroxide 4 x 20 ml R2. Picric acid 4 x 7 ml	Hộp	5			
6	Cholesterol	R1. Reagent 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l Phenol 6.00 mmol/l Peroxidase > 0.50 U/ml Cholesterol esterase > 0.20 U/ml Cholesterol oxidase > 0.10 U/ml Sodium Azide 0.09%	Hộp	3			

7	GGT	R1. Buffer Glycylglycine 150 mmol/L, pH 7.7 R2. Substrate L-g-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6.0 mmol/L	Hộp	5			
8	Glucose	R1. Buffer Glycylglycine 150 mmol/L, pH 7.7 R2. Substrate L-g-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6.0 mmol/L	Hộp	4			
9	Total Protein	R1. Blank Reagent Sodium Hydroxide 400 mmol/l Na-K-tartrate 64 mmol/l R2. Biuret Reagent Sodium Hydroxide 400 mmol/l Na-K-tartrate 64 mmol/l Potassium Iodide 30 mmol/l Cupric Sulfate 12 mmol/l	Hộp	2			
10	AST	R1. Buffer/Enzyme Tris buffer 80 mmol/l, pH 7.5 L-Aspartic acid 240 mmol/l MDH > 0.42 U/ml LD > 0.60 U/ml R2. alpha-oxoglutarate/Coenzyme alpha-oxoglutarate 12 mmol/l NADH 0.24 mmol/l	Hộp	3			
11	ALT	R1. Buffer/Enzyme Tris buffer 100 mmol/l, pH 7.5 L-alanine 0.5 mol/l LD > 1.2 U/ml R2. alpha-oxoglutarate/Coenzyme alpha-oxoglutarate 15 mmol/l NADH 0.18 mmol/l	Hộp	3			

12	Triglyceride	R1. Enzyme Reagent Pipes buffer 38.7 mmol/L, pH 7.5 4-chloro-phenol 3.4 mmol/L Magnesium ions 16.9 mmol/L 4- aminophenazone 0.25 mmol/L ATP 1.2 mmol/L Lipases ≥ 10 u/mL Glycerol kinase ≥ 0.4 u/mL Glycerol-3-phosphate oxidase ≥ 1.5 u/mL Peroxidase ≥ 0.5 u/mL Sodium azide 0.05%	Hộp	3			
13	Wash Solution	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa AU	Can	3			
14	ISE Reference	Dung dịch tham chiếu dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy sinh hóa AU. Thành phần: chất bảo quản, Potassium Chloride 1.00 mol/L	Can	1			
15	ISE Mid Standard	Dung dịch đệm dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên AU. Thành phần Triethanolamine 0.1 mol/L, chất bảo quản	Can	1			
16	ISE Buffer	Dung dịch dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy sinh hóa AU	Can	1			
17	Alcohol	Thành phần R1. Ethanol Buffer 2 x 16.9 ml R2. Ethanol Enzyme Reagent 2 x 8 ml	Hộp	2			
18	ETHANOL CALIBRATOR / CONTROL SET	Dùng để hiệu chuẩn và kiểm soát chất lượng của xét nghiệm Ethanol.	Hộp	1			
19	LDL - C	Thành phần R1. Enzyme Reagent 1: 4 x 20 mL R2. Enzyme Reagent 2: 4 x 9 mL	Hộp	1			
20	HDL - C	Thành phần R1. Enzyme Reagent 1: 3 x 51 ml R2. Enzyme Reagent 2: 3 x 20 ml	Hộp	1			

21	HDL/LDL CAL	Nguồn gốc từ người, dạng đông khô	Hộp	1			
22	Control LV2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 2	Lọ	3			
23	Control LV3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 3	Lọ	3			
24	Calibrator	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa lâm sàng: Calibration Serum - Mức 3	Lọ	4			
II	**Máy Huyết Học SYSMEX XP100**						
25	Diluent ST	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học Sysmex.Thành phần: NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%.	Thùng	6			
26	Lyse SWH	Hóa chất dùng để để đếm tế bào máu, định cỡ và phân biệt hồng cầu, xác định huyết sắc tố trên máy phân tích huyết học Sysmex. Thành phần: Quaternary Ammonium Salt<10%,	Chai	10			
27	Cleaning Solution	Dung dịch rửa máy. Thành phần: Sodium Hypochlorite 5%	Lọ	2			
III	**HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Hemaxa 1000**						
28	Dia-Clean	Hóa chất rửa dùng cho bảo trì máy huyết học . Thành phần: • Sodium hypochloride < 5,0 % • Sodium hydroxide < 1,0 %	Lọ	3			
29	Dia-Diluent	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học . Thành phần: • Sodium chloride < 0,9 % • Sodium sulphate < 1,2 % • Buffer < 1,1 % • Stabiliser < 0,01 %	Thùng	22			
30	Dia-Lyse	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy huyết học. Thành phần: • Organic Acid < 0.25 % • Sodium Chloride < 0.58 % • Quaternary Ammonim Salt < 4.2 %	Chai	15			

31	Dia-Rinse	Hóa chất rửa dùng rửa máy huyết học . Thành phần: • Sodium chloride < 0,5 % • Sodium sulphate < 1,0 % • Buffer < 1,0 % • Detergent < 0,5 %	Thùng	10			
IV	**HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Swelab Alpha**						
32	Swelab Alfa Diluent	- Chức năng: là một chất pha loãng huyết học được sử dụng để đếm và định cỡ tế bào trong máy phân tích huyết học tự động. - Đóng gói: 20 lít - Thành phần: + Muối để ổn định isotonic <1.5% + Thuốc chống vi trùng <0.1% + Dung dịch đệm <0.3%	Thùng	9			
33	Swelab Alfa Lyse	- Chức năng: là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào của máy phân tích huyết họ. - Đóng gói: 05 lít - Thành phần + Muối bậc 4 <1,0% + Muối <1.5%	Can	7			
34	Boule Hypochlorite	Dung dịch rửa cuối ngày, dung tích 0.5 lít/ bình	Chai	2			
V	**TEST NHANH, SINH PHẨM, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM**						
35	ASO LATEX TEST	Xét nghiệm phiến ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu khuẩn	Hộp	2			
36	CRP LATEX TEST	Latex particles coated with goat IgG anti-human CRP, pH, 8,2. Preservative.	Hộp	3			
37	RF LATEX TEST	RF-latex là một thử nghiệm ngưng kết phiến kính để định tính và bán phát hiện định lượng RF trong huyết thanh người	Hộp	2			

38	Anti A 10ml	Thuốc thử định tính kháng nguyên A trên tế bào hồng cầu	Hộp	2			
39	Anti AB 10ml	Thuốc thử định tính kháng nguyên A,B trên tế bào hồng cầu	Hộp	2			
40	Anti B 10ml	Thuốc thử định tính kháng nguyên B trên tế bào hồng cầu	Hộp	2			
41	Anti D 10ml	Thuốc thử định tính kháng nguyên D trên tế bào hồng cầu	Hộp	2			
42	Giêm xa pha sẵn	Thuốc nhuộm Giêm sa	Chai	2			
43	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylen Blue.	Bộ	4			
44	Dầu soi	Dầu soi kính hiển vi.	Chai	1			
45	HCL	Dung dịch Axit HCL	Chai	1			
46	Test HIV 1/2	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,5% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C.	Test	500			
47	Test HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C.	Test	1.200			
48	Test HAV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan A. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần Độ nhạy: 90,6%. Độ đặc hiệu: 97,6%	Test	500			
49	Test HCV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh.	Test	1.000			

50	Test H.pylory	"Phát hiện định tính kháng thể kháng H.Pylori trong huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,5%. Độ đặc hiệu: 99,2%	Test	120			
51	Test Ma túy tổng hợp	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%	Test	500			
52	Test nước tiểu 10TS (Acon/Mỹ)	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid, Albumin, Creatinine, Calcium. Que thử sử dụng một lần.	Test	500			
53	Test nước tiểu 10TS (Eba/Đức)	Xét nghiệm các thông số nước tiểu. Các chỉ số đo: Specific Gravity, Leukcocytes, Nitrite, pH, Protein, Glucose, Ketones, Urobilinogen, Bilirubin, Blood	Test	1.500			
54	Test thử đường huyết SD	Công nghệ Bio-Sensor, 1 lọ 50 que	Test	1.000			
55	Dengue IgM-IgG	- Vùng cộng hợp: kháng nguyên Dengue (A2302) tái tổ hợp, kháng nguyên Dengue (A2313) tái tổ hợp & IgG thỏ; - Vạch kết quả M: kháng thể chuột kháng IgM người; - Vạch kết quả G: kháng thể chuột kháng IgG người; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG thỏ.	Test	500			
56	Dengue Ns1Ag	- Hoạt chất và Hàm lượng: + Kháng thể đặc hiệu kháng hỗn hợp Dengue (Mix - types Dengue Specific antibodies): 10 µg/ml	Test	2.100			

		+ Kháng thể đặc hiệu kháng hỗn hợp Dengue (Mix - types Dengue Specific antibodies): 1 mg/ml + Kháng thể kháng thỏ (Anti - rabbit antibodies): 2 mg/ml					
57	Sample cup	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá.	Túi	1			
58	Bóng đèn halogen	Bóng đèn dùng cho máy sinh hoá . 12V20W.	Cái	3			

Số tiền bằng chữ: ……..

- Đơn giá đã trên đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển và bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô.

- Hàng hóa phải đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng. Hạn sử dụng tối thiểu 6 tháng kể từ ngày bàn giao đối với các loại hàng hóa có hạn sử dụng 12 tháng; hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng đối với các loại hàng hóa có hạn sử dụng từ 02 năm trở lên.

- Có giấy chứng nhận xuất xứ, lưu hành theo quy định.

- Hiệu lực của báo giá: ? ngày.

……, ngày… tháng…. năm …..

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP BÁO GIÁ

(Ký, họ tên và đóng dấu)